TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Kim Phụng
2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn "*theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 27/2021/TB -TA ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm: 1968 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ*:* Ấp 1, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
2. Bị đơn: Ông **Phan Văn H**, sinh năm: 1962 (Có đơn xin vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Ấp 1, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Chỗ ở hiện nay: thôn Đồng Tân, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ñôn khởi kiện đề ngaøy 03 thaùng 11 naêm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Nh trình baøy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện chung sống với ông Phan Văn H và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh vào năm 1989. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do ông Hơn chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, ông Hơn không còn quan tâm đến gia đình, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Hơn.

- Về con chung: Bà và ông Hơn có 02 con chung tên Phan Văn Sang, sinh năm 1991 và Phan Văn Quang, sinh năm 1993. Hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà và ông Hơn không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Bà và ông Hơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ : Bà và ông Hơn không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Phan Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày trên của bà Nhung về quan hệ hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay ông Hơn đồng ý ly hôn với bà Nhung.

- Về con chung: Thống nhất như trình bày trên cua bà Nhung

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Ông và bà Nhung không nợ ai và cũng không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa

- *Việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- *Veà noäi dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Nh:

+ Cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Phan Văn H.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Nh nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Phan Văn H. Yêu cầu của nguyên

đơn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện cư trú tại thôn Đồng Tân, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, tuy nhiên bị đơn và nguyên đơn có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, theo quy định tại Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có ý kiến và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1968 và ông Phan Văn H, sinh năm 1962 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà Nhung và ông Hơn là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Nhung và ông Hơn xác định có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân, bà Nhung xác định không còn tình cảm với ông Hơn nên yêu cầu được ly hôn với ông Hơn, đồng thời ông Hơn cũng đồng ý ly hôn với bà Nhung. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Nhung và ông Hơn đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nhung.

[2] Về con chung: Các con của bà Nhung và ông Hơn đã thành niên. Bà Nhung và ông Hơn xác định các con có khả năng lao động, đồng thời không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nhung và ông Hơn không yêu cầu nên Tòa giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Nhung phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Nh

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Phan Văn H

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồ ng tạm ứng án phí mà bà Nhung đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001427 ngày 03/12/2020.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND phường 14;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh

Hoäi thaåm nhaân daân phieân tòa **Thaåm phaùn – Chuû toïa**